TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬNCẨM LỆ -TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:409 /2020/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Lệ, ngày 16 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ các điều 212, 213 và 397 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 389/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Nguyễn L, sinh năm 1973 và bà Hoàng Thị Thu K, sinh năm 1979; cùng địa chỉ: Số 68 đường H, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn L và bà Hoàng Thị Thu K kết hôn với nhau vào năm 2002, đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (số 54, quyển số: 01/2002). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng sống tại phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng không đồng thuận. Ông L và bà K sống không hạnh phúc và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét, mâu thuẫn giữa ông L và bà K đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống không hạnh phúc nên cả hai tự nguyện thuận tình ly hôn. Do vậy, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn L và bà Hoàng Thị Thu K là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] *Về quan hệ con chung*: Ông L và bà K xác nhận vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Hoàng Gi, sinh ngày 23/6/2003; Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 27/12/2008 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 08/5/2011. Ly hôn, bà Hoàng Thị Thu K nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung. Ông Nguyễn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông L và bà K tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con sau ly hôn không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần áp dụng các điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con chung của ông bà.

[3] *Về tài sản chung:* Ông L và bà K tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

[4] *Về nợ chung*: Ông L và bà K tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn L và bà Hoàng Thị Thu K.

- *Về con chung*: Bà Hoàng Thị Thu K nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung tên Nguyễn Hoàng Gi, sinh ngày 23/6/2003; Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 27/12/2008 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 08/5/2011. Ông Nguyễn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung

- *Về tài sản chung*: Ông Nguyễn L và bà Hoàng Thị Thu K tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Ông Nguyễn L và bà Hoàng Thị Thu K tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* ông Nguyễn L và bà Hoàng Thị Thu K phải chịu. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân gia đình là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* ông Nguyễn L và bà Hoàng Thị Thu K đã nộp tại biên lai thu số 0008515 ngày 19/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, ông L và bà K đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND Q. Cẩm Lệ;*
- *Chi cục THADS Q. Cẩm Lệ;*
- *UBND phường Hải Châu 1 q. Hải Châu, tp Đà Nẵng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lệ Hằng